

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20-5-2021

V/v “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trương Văn Hơn**

2. Bà **Lê Thị Gấn**

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Ngọc – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 121/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91A/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Bích P**, sinh năm: 1996 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: **Nguyễn Chí D**, sinh năm: 1995 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích P có đơn xin vắng mặt, tuy nhiên theo đơn xin ly hôn ngày 18/3/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Bích P có yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh D do quen biết, có tìm hiểu, tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh. Sau khi cưới, anh chị thuê nhà trọ sinh sống và làm việc tại Sài Gòn đến đầu năm 2021 thì chị đưa con về quê chị sinh sống cho đến nay. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát

sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh D không nghe mà còn đưa người phụ nữ đó về nhà trọ, nơi hai vợ chồng và con gái sinh sống để chơi, chị khuyên bảo nhưng anh không nghe mà còn quay lại kiểm chuyện cự cãi rồi đánh đập chị, kể cả những lúc có con nhỏ, làm ảnh hưởng đến tâm lý của con thơ, chị không thể tiếp tục sống chung với anh D được nên chị đưa con về quê sinh sống ổn định từ đầu năm 2021 cho đến nay. Từ khi về quê sinh sống đến nay, anh D có về quê một lần để hàn gắn tình cảm nhưng chị không đồng ý vì từ khi sống chung với anh D cho đến nay chị đã bị anh D đánh đập nhiều lần nên chị không muốn sống chung với anh D nữa, tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh D.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 05/4/2014, hiện cháu đang ở chung với chị. Ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Chí D vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị P, mặc dù Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích P, cho chị P được ly hôn với anh D. Về con chung: giao con chung tên Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 05/4/2014 cho chị P được tiếp tục nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là “*Tranh chấp ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích P có đơn xin vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Chí D vắng mặt không lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Chí D tham gia phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ

sung năm 2017) tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Bích P và anh Nguyễn Chí D.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích P và anh Nguyễn Chí D có tổ chức cưới và chung sống với nhau từ năm 2013, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 59/2018 ngày 10/7/2018 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu ly hôn của chị P, căn cứ vào lời khai của chị, Hội đồng xét xử nhận thấy, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do anh D có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, về nhà kiểm chuyện cãi vã, đánh đập chị nhiều lần, mặc dù chị đã khuyên nhủ nhiều nhưng anh D vẫn không thay đổi. Tòa án đã triệu tập anh D nhiều lần nhưng anh D vẫn không đến Tòa án và không gửi văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị P, cho thấy anh D không mong muốn hàn gắn tình cảm với chị, không tha thiết với cuộc hôn nhân này nữa. Từ những tình tiết nêu trên, cho thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị P, cho chị P được ly hôn với anh D là có căn cứ và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Anh chị chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 05/4/2014. Hiện nay con chung đang được chị P trực tiếp chăm sóc. Ly hôn chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời, cháu N cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Nhằm tránh sự xáo trộn trong cuộc sống của cháu nên cần giao cháu N cho chị P được tiếp tục nuôi dưỡng là có cơ sở được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích P có yêu cầu ly hôn nên chị phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Bích P và anh Nguyễn Chí D được ly hôn.

2. Về con chung: giao con chung tên Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 05/4/2014 cho chị Nguyễn Thị Bích P được tiếp tục nuôi dưỡng, anh Nguyễn Chí D không phải cấp dưỡng nuôi con do chị P không có yêu cầu.

Anh Nguyễn Chí D được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0018574 ngày 23/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị Nguyễn Thị Bích P đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND H.GCĐ;
- CC.THADS H.GCĐ;
- UBND xã T, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Nguyễn Thị Diễm Trinh